

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ HÒA THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Đào**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Trần Phước Ninh**

2- Ông **Lê Văn Thuận**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 840/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Số 06, tổ 42, ấp C, xã C, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Số 36, tổ 14, ấp B, xã L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh D chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa

Thành), hôn nhân tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh D ghen tuông, đánh đập và gây thương tích cho chị T, ngoài ra anh D còn là người nghiện ma túy, không chăm lo vợ con, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể khắc phục, ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 người tên Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2014 hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2020, bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Anh D thống nhất với chị T về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh D trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Anh và chị T có sống ly thân từ tháng 11/2019, đến ngày 07/12/2019 thì anh D bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh, thời hạn cai nghiện là 12 tháng. Anh D vẫn còn thương vợ con nên đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T để sau khi anh chấp hành xong thời hạn cai nghiện vợ chồng sẽ hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng lại gia đình và chăm lo cho con chung.

Về con chung: Có 01 người như lời trình bày của chị T, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh D đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Trần Văn D đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung chị T, anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Văn D cư trú tại ấp B, xã L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Trần Văn D đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D chung sống với nhau từ năm 2014, có thực hiện việc đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T yêu cầu xin ly hôn do không hạnh phúc trong hôn nhân, anh D ghen tuông vô cớ, có đánh đập và gây thương tích cho chị. Anh D không đồng ý ly hôn vì theo anh trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng không nghiêm trọng, anh còn yêu thương vợ con nhưng anh không đưa ra được phương án đoàn tụ. Mặt khác, anh D có thời gian sử dụng chất ma túy và anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2019 trước khi anh D đi cai nghiện, đến nay anh chị không tự hàn gắn được. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu được ly hôn chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 30.9.2014. Nhận thấy con chung của anh chị còn nhỏ, anh

D đang chấp hành việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng nên giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 30.9.2014 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008205 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh), ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Đào